

Tăng tỷ trọng

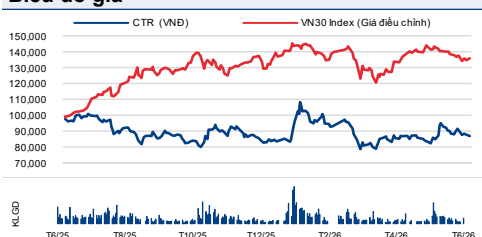
Giá mục tiêu: VNĐ95,400

Tiềm năng tăng/giảm: 11.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (16/6/2026)	85,700
Mã Bloomberg	CTR VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	78,600-108,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	86,800
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	9,803
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	373
Slg CP lưu hành (tr.đv)	114
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	47.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.80%
Tỷ lệ freefloat	34.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Viettel (65.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	13,940	16,551	19,126
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,107	1,279	1,647
LNTT (tỷ đồng)	745	842	974
LNT ĐC (tỷ đồng)	468	526	608
FCF (tỷ đồng)	1,088	(837)	(498)
EPS ĐC (đồng)	4,092	4,598	5,315
DPS (đồng)	1,500	1,500	2,000
BVPS (đồng)	18,086	21,184	24,499
T.trưởng EBITDA (%)	7.27	15.5	28.8
T.trưởng EPS ĐC (%)	16.2	12.4	15.6
Tăng trưởng DPS (%)	(30.2)	0	33.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	7.94	7.73	8.61
Tỷ suất LNTT (%)	5.35	5.09	5.09
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.30	4.07	4.07
Tỷ lệ LN trả CT (%)	36.7	32.6	37.6
Nợ thuần/VCSH (%)	85.1	113	130
ROAE (%)	30.5	30.0	29.8
ROACE (%)	29.9	30.3	29.0
EV/doanh thu (lần)	0.63	0.61	0.56
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.90	7.87	6.55
P/E ĐC (lần)	20.9	18.6	16.1
P/B (lần)	4.74	4.05	3.50
Lợi suất cổ tức (%)	1.75	1.75	2.33

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Khởi đầu là đơn vị xây dựng cho Viettel, tập đoàn viễn thông số 1 tại Việt Nam, CTR hiện đã trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông với sự tham gia vào các mảng xây dựng, vận hành và đầu tư cho thuê hạ tầng.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng , Ngành Công Nghiệp & nga.ttthu@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Tháng 5/2026: LNTT tăng trưởng tích cực, gần như sát với dự báo

- KQKD tháng 5/2026 của CTR tích cực, với doanh thu thuần đạt 1,4 nghìn tỷ đồng (tăng 30% svck) và LNTT đạt 72 tỷ đồng (tăng 28% svck). Theo đó, doanh thu thuần và LNTT lũy kế 5 tháng đầu năm 2026 đạt lần lượt 6,6 nghìn tỷ đồng (tăng 34% svck) và 328 tỷ đồng (tăng 23% svck), hoàn thành 40% và 39% dự báo cho cả năm 2026 của chúng tôi, sát với kỳ vọng.
- Đà tăng trưởng tích cực của doanh thu thuần tiếp tục được dẫn dắt bởi nhóm ngành ngoài viễn thông, tiêu biểu là mảng xây lắp (tăng 30% svck) và giải pháp tích hợp (tăng 134% svck). Ngược lại, đà tăng trưởng của mảng kinh doanh liên quan đến viễn thông có vẻ khiêm tốn.
- Công tác lắp đặt trạm BTS mới không có tiến triển trong 5 tháng đầu năm 2026, với tổng số trạm BTS không đổi so với cuối năm 2025 ở mức 12.000 trạm. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu.

Sự kiện: KQKD tháng 5/2026 và 5 tháng đầu năm vững chắc

CTR ghi nhận KQKD tích cực trong tháng 5/2026, với LNTT/doanh thu thuần tăng lần lượt 28%/30%.

Mảng phi viễn thông là động lực tăng trưởng

Đà tăng trưởng tích cực của doanh thu thuần được thúc đẩy bởi nhóm ngành ngoài viễn thông, chi tiết như sau:

- Doanh thu mảng xây lắp trong tháng 5/2026 và 5 tháng đầu năm 2026 tăng lần lượt 30% svck (đạt 511 tỷ đồng) và 61% svck (đạt 2,5 nghìn tỷ đồng). Gia nhập thị trường xây dựng dân dụng từ 2018, CTR đã nhanh chóng khẳng định năng lực và xây dựng vị thế vững chắc trong cả hai phân khúc: hạ tầng công nghiệp và xây dựng nhà ở riêng lẻ. Nhờ doanh thu tăng mạnh, mảng này đóng góp 37% tổng doanh thu của công ty trong 5 tháng đầu năm 2026 (so với mức 31% trong 5 tháng đầu năm 2025). Tận dụng năng lực cốt lõi và kinh nghiệm dày dặn trong vai trò tổng thầu, CTR đang chuyển mình sang vị thế chủ đầu tư các dự án nhà ở xã hội, kỳ vọng sẽ bắt đầu ghi nhận doanh thu và đóng góp vào KQKD từ năm sau.
- Doanh thu mảng giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật tăng 134% svck trong tháng 5/2026 (đạt 283 tỷ đồng) và tăng 79% svck trong 5 tháng đầu năm 2026 (đạt 1,1 nghìn tỷ đồng). Động lực tăng trưởng chính của mảng này tiếp tục được dẫn dắt bởi các hợp đồng tổng thầu EPC điện mặt trời. Mảng này đóng góp 16% tổng doanh thu của công ty trong 5 tháng đầu năm 2026 (so với mức 12% trong 5 tháng đầu năm 2025). by end-1Q26).

Trong khi đó, doanh thu các mảng kinh doanh liên quan đến viễn thông có vẻ khiêm tốn, cụ thể.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 17/6:

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD T5/2026 và 5 tháng đầu năm 2026, CTR

LNTT tăng mạnh 28% so với cùng kỳ trong T5/2026 và 23% trong 5 tháng đầu năm 2026

Tỷ đồng	T5-25	T5-26	Svck	5T25	5T26	Svck	% HSCF
Doanh thu thuần	1,081	1,402	29.7%	4,906	6,579	34.1%	39.8%
LNTT	56	72	28.2%	266	328	23.1%	38.9%

Nguồn: CTR, HSC

- Doanh thu mảng vận hành trong tháng 5/2026 và 5 tháng đầu năm 2026 tăng lần lượt 4% svck (đạt 516 tỷ đồng) và tăng 8% svck (đạt 2,6 nghìn tỷ đồng). Theo đó, tỷ lệ đóng góp của mảng này vào tổng doanh thu trong 5 tháng đầu năm 2026 giảm xuống còn 40% (so với 49% trong 5 tháng đầu năm 2025).
- Doanh thu mảng đầu tư hạ tầng cũng tăng chậm lại, xuống còn 11% svck trong tháng 5/2026 (đạt 79 tỷ đồng) và 15% svck trong 5 tháng đầu năm 2026 (đạt 390 tỷ đồng) do công tác lắp đặt trạm BTS mới không có tiến triển. Mảng này đóng góp 6% tổng doanh thu của công ty trong 5 tháng đầu năm 2026 (so với mức 7% trong 5 tháng đầu năm 2025).

Công tác lắp đặt trạm BTS không có tiến triển

Công tác lắp đặt trạm BTS mới không có tiến triển trong 5 tháng đầu năm 2026, với tổng số trạm BTS không đổi so với cuối năm 2025 ở mức 12.000 trạm. Trong những năm trước, việc xây dựng trạm BTS thường tăng tốc từ tháng tư. Do đó, tiến độ năm nay có vẻ chậm. Theo đó, số lượng trạm BTS mới được lắp đặt thực tế trong năm có khả năng sẽ không đạt 1.000 trạm như dự báo hiện tại của chúng tôi.

Số lượng trạm BTS có nhiều hơn một khách thuê đã cải thiện lên mức 526 trạm vào cuối tháng 5/2026, tương ứng với tỷ lệ dùng chung trạm là 1,044 (so với mức 1,04 vào cuối năm 2025 và 1,041 vào cuối Q1/2026).

Do công tác lắp đặt trạm BTS không có tiến triển, đà tăng trưởng doanh thu so với cùng kỳ của mảng đầu tư hạ tầng đã giảm tốc qua từng tháng, từ mức 21% trong tháng 1/2026 xuống còn 11% trong tháng 5/2026.

HSC cho rằng tiến độ lắp đặt trạm BTS của CTR chững lại chủ yếu đến từ tình trạng bão hòa/thiếu hụt nhu cầu đầu tư mới từ phía các nhà mạng viễn thông. Cần lưu ý, chiến dịch tăng tốc đầu tư hạ tầng 5G trong năm 2025 của Tập đoàn Viettel (nhà mạng lớn nhất Việt Nam và là đơn vị sở hữu chi phối CTR) đã giúp hạ tầng 5G tại Việt Nam hiện đã khá sẵn sàng. Với quy mô vận hành khoảng 40.000 trạm BTS trên cả nước (Viettel đóng góp 75%), mạng 5G đã phủ sóng lên đến 91% dân cư. Trong năm nay, VNPT và Mobifone (nhà mạng lớn thứ hai và thứ ba) cũng sẽ đẩy nhanh việc thiết lập hạ tầng 5G để sẵn sàng cho giai đoạn thương mại hóa 5G tiếp theo, giai đoạn mà các nhà mạng sẽ thương mại hóa hạ tầng đã đầu tư của mình. Nhu cầu đối với hạ tầng mới do đó sẽ chậm lại trong giai đoạn tiếp theo này.

Duy trì k/n Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu, dự báo lợi nhuận

Doanh thu/LNTT trong 5 tháng đầu năm 2026 đã hoàn thành lần lượt 40%/39% dự báo cho cả năm 2026 của HSC, sát với kỳ vọng. Ở giai đoạn này, HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận, kỳ vọng doanh thu thuần đạt 16,6 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 19%) và lợi nhuận thuần đạt 674 tỷ đồng (tăng trưởng 12%).

Với dự báo hiện tại, CTR đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 17,5 lần, thấp hơn so với bình quân từ năm 2021 ở mức 22,6 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu 95.400đ (tiềm năng tăng giá là 11%).

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu theo mảng kinh doanh, CTR

Doanh thu tăng trưởng mạnh nhờ mảng xây dựng và giải pháp tích hợp

Tỷ đồng	T5-25	T5-26	Svck	5T25	5T26	Svck
Doanh thu thuần	1,082	1,402	29.6%	4,906	6,579	34.1%
Vận hành	497	516	3.9%	2,425	2,624	8.2%
Xây dựng	392	511	30.4%	1,525	2,451	60.7%
Giải pháp tích hợp & Dịch vụ kỹ thuật	121	283	133.7%	600	1,074	79.0%
Đầu tư hạ tầng	71	79	11.0%	339	390	15.0%
Tỷ trọng						
Vận hành	45.9%	36.8%		49.4%	39.9%	
Xây dựng	36.2%	36.4%		31.1%	37.3%	
Giải pháp tích hợp & Dịch vụ kỹ thuật	11.2%	20.2%		12.2%	16.3%	
Đầu tư hạ tầng	6.5%	5.6%		6.9%	5.9%	

Nguồn: CTR

Bảng 3: Xây dựng trạm BTS mới, CTR

Số trạm BST bổ sung mới trong 5 tháng đầu năm 2026 hạn chế, tuy nhiên tỷ lệ lấp đầy đã được cải thiện

	T1-26	T2-26	T3-26	T4-26	T5-26
Số trạm BTS	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000
Số trạm dùng chung	480	491	494	495	526
Tỷ lệ lấp đầy	1.040	1.041	1.041	1.041	1.044
Tăng trưởng doanh thu mảng đầu tư hạ tầng	21.1%	15.6%	14.2%	13.8%	11.0%

Nguồn: CTR

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	12,610	13,940	16,551	19,126	21,112
Lợi nhuận gộp	884	982	1,124	1,316	1,456
Chi phí BH&QL	(169)	(248)	(232)	(268)	(296)
Thu nhập khác	3.98	18.5	0	0	0
Chi phí khác	(6.50)	(0.15)	0	0	0
EBIT	713	752	892	1,048	1,160
Lãi vay thuần	(41.1)	(7.04)	(49.5)	(74.2)	(47.5)
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	672	745	842	974	1,113
Chi phí thuế TNDN	(134)	(146)	(168)	(195)	(223)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	538	600	674	779	890
Lợi nhuận thuần ĐC	403	468	526	608	695
EBITDA ĐC	1,032	1,107	1,279	1,647	1,942
EPS (đồng)	3,522	4,092	4,598	5,315	6,074
EPS ĐC (đồng)	3,522	4,092	4,598	5,315	6,074
DPS (đồng)	2,150	1,500	1,500	2,000	2,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	114	114	114	114	114
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	887	1,705	607	(41.2)	(174)
Đầu tư ngắn hạn	854	1,618	1,324	1,339	1,267
Phải thu khách hàng	2,937	2,714	3,227	3,634	3,906
Hàng tồn kho	610	425	497	574	633
Các tài sản ngắn hạn khác	134	164	166	191	211
Tổng tài sản ngắn hạn	5,421	6,625	5,821	5,697	5,843
TSCĐ hữu hình	191	134	84.1	37.8	(5.97)
TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	1,223	1,335	2,573	3,485	3,714
Đầu tư dài hạn	252	80.4	80.4	80.4	80.4
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	19.7	10.4	12.3	14.2	15.7
Tổng tài sản dài hạn	1,685	1,560	2,750	3,617	3,804
Tổng cộng tài sản	7,106	8,185	8,571	9,314	9,647
Nợ ngắn hạn	1,052	1,760	1,324	1,148	844
Phải trả người bán	608	435	662	765	844
Nợ ngắn hạn khác	2,388	2,048	1,985	1,985	1,985
Tổng nợ ngắn hạn	4,653	5,598	5,281	5,387	5,303
Nợ dài hạn	573	503	867	1,124	1,133
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	15.3	15.8	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	588	518	867	1,124	1,133
Tổng nợ phải trả	5,241	6,117	6,148	6,512	6,436
Vốn chủ sở hữu	1,865	2,069	2,423	2,802	3,211
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,865	2,069	2,423	2,802	3,211
Tổng nợ phải trả và VCSH	7,106	8,185	8,571	9,314	9,647
BVPS (đ)	16,305	18,086	21,184	24,499	28,073
Nợ thuần*/(tiền mặt)	738	558	1,584	2,313	2,151

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	713	752	892	1,048	1,160
Khấu hao	(319)	(355)	(387)	(599)	(782)
Lãi vay thuần	(41.1)	(7.04)	(49.5)	(74.2)	(47.5)
Thuế TNDN đã nộp	(116)	(142)	(168)	(195)	(223)
Thay đổi vốn lưu động	465	675	(403)	(200)	(113)
Khác	(133)	17.3	187	(130)	(63.3)
LCT thuần từ HKKD	1,141	1,457	738	966	1,416
Đầu tư TS dài hạn	(801)	(370)	(1,575)	(1,464)	(967)
Góp vốn & đầu tư	(1,651)	(2,928)	0	0	0
Thanh lý	1.11	25.5	0	0	0
Khác	1,850	2,239	(1.94)	(1.92)	(1.48)
LCT thuần từ HĐĐT	(600)	(1,033)	(1,577)	(1,466)	(968)
Cổ tức trả cho CSH	(525)	(244)	(172)	(229)	(286)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	51.4	638	(71.8)	80.6	(294)
Khác	0	0	(15.8)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(474)	394	(259)	(148)	(580)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	819	887	1,705	607	(41.2)
LCT thuần trong kỳ	66.8	819	(1,098)	(648)	(132)
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	885	1,706	607	(41.2)	(174)
Dòng tiền tự do	340	1,088	(837)	(498)	449

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	7.01	7.04	6.79	6.88	6.90
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.18	7.94	7.73	8.61	9.20
Tỷ suất LNT (%)	4.27	4.30	4.07	4.07	4.22
Thuế TNDN hiện hành (%)	19.9	19.5	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	10.9	10.5	18.7	15.6	10.4
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	13.4	7.27	15.5	28.8	18.0
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	1.44	16.2	12.4	15.6	14.3
Tăng trưởng EPS (%)	1.44	16.2	12.4	15.6	14.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	1.44	16.2	12.4	15.6	14.3
Tăng trưởng DPS (%)	(21.0)	(30.2)	0	33.3	25.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	61.1	36.7	32.6	37.6	41.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	27.9	30.5	30.0	29.8	29.6
ROACE (%)	29.5	29.9	30.3	29.0	28.1
Vòng quay tài sản (lần)	1.79	1.82	1.98	2.14	2.23
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.60	1.94	0.83	0.92	1.22
Số ngày tồn kho	19.0	12.0	11.7	11.8	11.8
Số ngày phải thu	91.4	76.4	76.4	74.5	72.5
Số ngày phải trả	18.9	12.3	15.7	15.7	15.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	61.7	85.1	113	130	113
Nợ/tài sản (%)	28.7	42.3	39.1	38.8	35.8
EBIT/lãi vay (lần)	17.4	107	18.0	14.1	24.4
Nợ/EBITDA (lần)	1.97	3.13	2.62	2.19	1.78
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.17	1.18	1.10	1.06	1.10
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.77	0.63	0.61	0.56	0.51
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.39	7.90	7.87	6.55	5.50
P/E (lần)	24.3	20.9	18.6	16.1	14.1
P/E ĐC (lần)	24.3	20.9	18.6	16.1	14.1
P/B (lần)	5.26	4.74	4.05	3.50	3.05
Lợi suất cổ tức (%)	2.51	1.75	1.75	2.33	2.92

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn